

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
D PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 03 - 11 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN D PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- D phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Đôn và bà Lò Thị Đình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thảo Thị Thu Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, là Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đức T; sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, D phố Đ, tỉnh Đ - Có mặt;

Bị đơn: Bà Lò Thị Th; sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, D phố Đ, tỉnh Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Bùi Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Bùi Đức T và bà Lò Thị Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2010 tại UBND phường T, D phố Đ, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn bà Th nhập khẩu về phường T và vợ chồng chung sống cùng bố mẹ ông T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến khi sinh cháu thứ hai thì gia đình phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt. Bà Th là dân tộc Thái, nên mọi sinh hoạt, ứng xử trong gia đình đều khác nhau, vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù không to tiếng gây ầm ỹ, nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà Th thường bỏ nhà đi rồi lại về, không quan tâm gì đến gia đình, chồng con. Ông T hỏi thì bà Th bảo về bên ngoại, nhưng bên ngoại bảo bà Th không về. Vì vậy, ông T xin được ly hôn với bà Th.

Về con: Ông T và bà Th có hai con chung là: Bùi Đức D, sinh ngày 06/01/2012 và Bùi Đức C, sinh ngày 30/01/2015. Hiện hai cháu sinh sống cùng ông T. Nếu ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con chung và không yêu cầu bà Th, cấp dưỡng nuôi con vì bà Th thường đi vắng, các con chủ yếu ở với ông T. Các con đều có nguyện vọng ở với bố. Ông T hiện làm việc tại bưu điện tỉnh Điện Biên, có thu nhập ổn định từ lương, đủ điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Không có.

2. Bà Lò Thị Th không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại các buổi hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Đức T đối với bà Lò Thị Th theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao các con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng...

Án phí: Ông Bùi Đức T phải chịu toàn bộ án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 24/7/2020, ông Bùi Đức Thứ nộp đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" tại Tòa án nhân dân D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà Lò Thị Th; ngày 27/7/2020 ông T nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí. Ngày 18/7/2020 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (*Sau đây ghi tắt là BLTTDS*).

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Đức T và bà Lò Thị Th cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; yêu cầu Ly hôn của ông T đối với bà Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Bị đơn bà Lò Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Ông Bùi Đức T sinh năm 1981 và bà Lò Thị Th sinh năm 1986 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 14/01/2010. Khi kết hôn ông T và bà Th đều đã hơn 20 tuổi; đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết quy định tại Điều 9, Điều 10 và

Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (*có hiệu lực ở thời điểm kết hôn*) nên cuộc hôn nhân giữa ông T và bà Th là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn ông T, bà Th chung sống cùng gia đình ông T tại tổ dân phố 9, phường Tân Thanh, D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Theo ông T thì sau khi sinh con thứ 2, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc và bà Th thường bỏ nhà đi, ông T không biết bà Th đi đâu, làm gì. Ông T xin ly hôn, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông T, bà Th tại tổ dân phố nơi ông T, bà Th cư trú. Tổ dân phố không nắm được ông T và bà Th có mâu thuẫn gì, tổ dân phố cũng chưa hòa giải lần nào giữa hai người, nhưng bà Th thường xuyên vắng nhà; bà Th đi đâu, làm gì phố không nắm được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Th theo quy định nhưng bà Th không có ý kiến trả lời, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa.

Ông T kiên quyết ly hôn, xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông T và bà Th không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Th theo Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con: Ông T và bà Th có hai con chung là: Bùi Đức D sinh ngày 06/01/2012 và Bùi Đức C sinh ngày 30/01/2015. Hiện cả hai cháu đều đang ở nhà ông bà nội cùng với bố; cháu D đang học tại trường tiểu học Tô Vĩnh Diện, D phố Điện Biên Phủ; cháu C đang học tại trường mầm non mừng 7/5 D phố Điện Biên Phủ; cháu D đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng ở với bố. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung; nguyện vọng này của ông T là phù hợp với thực tế, không làm ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên HĐXX cần chấp nhận. Ông T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về Tài sản và nợ: Không có yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của ông Bùi Đức T:

- *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Bùi Đức T và bà Lò Thị Th.

- *Về con*: Giao các con chung là Bùi Đức D, sinh ngày 06/01/2012 và Bùi Đức C, sinh ngày 30/01/2015 cho ông Bùi Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản và nợ*: Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Ông Bùi Đức T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000205 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự D phố Điện Biên Phủ.

2. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/11/2020; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

3. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Vũ Thị Nhung

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
D PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 20 phút, ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;
- Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá D và bà Nguyễn Thị Việt Hà.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 141/2020/TLST -HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đức T; sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 51, tổ dân phố 09, phường Tân Thanh, D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Bị đơn: Bà Lò Thị Th; sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 51, tổ dân phố 09, phường Tân Thanh, D phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của ông Bùi Đức T:

- *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Bùi Đức T và bà Lò Thị Th.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

- *Về con*: Giao các con chung là Bùi Đức D, sinh ngày 06/01/2012 và Bùi Đức Công, sinh ngày 30/01/2015 cho ông Bùi Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

- *Về tài sản và nợ*: Không đề cập giải quyết.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

- *Về án phí*: Ông Bùi Đức T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000205 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự D phố Điện Biên Phủ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/11/2020; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/11/2020; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Việc nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 11 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả D viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

D VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung